

Số/No.: 20 /2019/NQ-ĐHĐCĐ

Đà Nẵng, ngày 29 tháng 03 năm 2019

**NGHỊ QUYẾT
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2019
CÔNG TY CỔ PHẦN BIA SÀI GÒN - MIỀN TÂY**

- Căn cứ Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội nước Cộng hòa XHCN Việt Nam ngày 26/11/2014;
- Căn cứ Luật chứng khoán số 70/2006/QH11 ngày 29/06/2006; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật chứng khoán số 62/2010/QH12 ngày 24/11/2010 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây;
- Căn cứ các nội dung Biên bản họp ĐHĐCĐ thường niên 2019 Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây, ngày 29/3/2019;
- Căn cứ kết quả kiểm phiếu biểu quyết của cổ đông tại ĐHĐCĐ thường niên 2019 Công ty CP Bia Sài Gòn - Miền Tây ngày 29/3/2019.

Phiên họp Đại hội cổ đông thường niên 2019 Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây tổ chức tại Khách sạn Mường Thanh Luxury Đà Nẵng (270, Võ Nguyên Giáp, Phường Mỹ An, Quận Ngũ Hành Sơn, Đà Nẵng), với tổng số cổ đông trực tiếp và ủy quyền tham dự là 21 cổ đông, đại diện cho 9.304.450 cổ phần, chiếm tỷ lệ 64,1686 % số cổ phần có quyền tham dự và biểu quyết tại Đại hội (*Tổng số cổ phần có quyền tham dự và biểu quyết theo danh sách chốt ngày 12/03/2019 là 14.500.000 cổ phần*). Tổng số cổ phần tham gia biểu quyết là 9.304.450 cổ phần, chiếm tỷ lệ 100% số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.

Đại hội đồng cổ đông đã nhất trí thông qua Nghị quyết với những nội dung như sau:

QUYẾT NGHỊ

Điều 1. Thông qua báo cáo của Ban điều hành về kết quả SXKD năm 2018 và kế hoạch năm 2019 với các chỉ tiêu chính, như sau:

1.1. Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2018:

No.	Chỉ tiêu	Đvt	Thực hiện 2017	Kế hoạch 2018	Thực hiện 2018	% A/T	% A2018 /A2017
A	B	C	1	2	3	4=3/2	5=3/1
1	Sản lượng sản xuất	liter	123.852.397	123.262.000	125.912.251	102,2	101,7
2	Sản lượng tiêu thụ	liter	125.465.142	123.262.000	124.143.913	100,7	98,9
3	Tổng doanh thu	VND	942.652.354.464	914.246.067.958	921.611.702.094	100,8	97,8
	Doanh thu công nghiệp	"	915.597.186.822	893.649.694.414	895.366.480.840	100,2	97,8
	Doanh thu khác	"	27.055.167.642	20.596.373.544	26.245.221.254	127,4	97,0
4	Lợi nhuận trước thuế	VND	132.554.590.093	96.485.068.000	132.595.531.472	137,4	100,0

No.	Chỉ tiêu	Đvt	Thực hiện 2017	Kế hoạch 2018	Thực hiện 2018	% A/T	% A2018 /A2017
	Lợi nhuận liên kết		8.649.268.073	7.207.200.000	6.616.728.195	91,8	76,5
	Từ sản xuất chính (bia)	"	122.428.550.581	86.618.526.053	121.143.529.216	139,9	99,0
	Lợi nhuận khác	"	10.325.496.471	6.333.651.391	6.554.849.807	103,5	63,5
	Lợi nhuận tài chính	"	(8.848.725.032)	(3.674.309.444)	(1.719.575.746)	46,8	19,4
5	Thuế TNDN phải nộp	VND	11.234.905.427	10.307.439.900	15.094.608.138	146,4	134,4
6	Lợi nhuận sau thuế	VND	121.319.684.666	86.177.628.100	117.500.923.334	136,3	96,9
7	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Vốn điều lệ	%	83,7	59,4	81,0	136,3	96,8
8	Tỷ lệ chia cổ tức	%	50,0	40,0	40,0	100,0	80,0
9	Nộp ngân sách	VND	841.647.139.291	925.142.852.685	913.147.607.368	98,7	108,5
10	Số lao động cuối kỳ	Người	250	249	222	89,2	88,8

1.2. Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2019:

No.	Chỉ tiêu	ĐVT	THỰC HIỆN 2018	KẾ HOẠCH 2019	(%) 2019/2018
<i>A</i>	<i>B</i>	<i>C</i>	<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3=2/1</i>
1	Sản lượng sản xuất	Liter	125.912.251	120.050.478	95,3
2	Sản lượng tiêu thụ	Liter	124.143.913	120.050.478	96,7
3	Tổng doanh thu	VND	921.611.702.094	899.719.311.488	97,6
	Doanh thu công nghiệp	"	895.366.480.840	882.762.573.159	98,6
	Doanh thu khác	"	26.245.221.254	16.956.738.329	64,6
4	Tổng lợi nhuận trước thuế	VND	132.595.531.472	96.169.868.000	72,5
	Lợi nhuận liên kết	"	6.616.728.195	3.603.600.000	54,5
	Lợi nhuận sản xuất chính	"	121.143.529.216	89.186.324.613	73,6
	Lợi nhuận khác	"	6.554.849.807	8.424.378.098	128,5
	Lợi nhuận tài chính	"	(1.719.575.746)	(5.044.443.712)	293,4
5	Thuế TNDN phải nộp	"	15.094.608.138	9.969.298.110	66,0
6	Lợi nhuận sau thuế	"	117.500.923.334	86.200.569.890	73,4
7	Tỷ lệ chia cổ tức	%	40,0	40,0	100,0
8	Nộp ngân sách	VND	913.147.607.368	943.211.638.462	103,3
9	Lao động	người	222	227	102,3

❖ Đại hội biểu quyết nhất trí với tỷ lệ: 99,9934%

Điều 2. Thông qua Báo cáo của Hội đồng quản trị.

❖ Đại hội biểu quyết nhất trí với tỷ lệ: 99,9934%

Điều 3. Thông qua Báo cáo của Ban kiểm soát

❖ Đại hội biểu quyết nhất trí với tỷ lệ: 99,9934%

Điều 4. Thông qua Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2018

❖ Đại hội biểu quyết nhất trí với tỷ lệ: 99,9934%

Điều 5. Thông qua Tờ trình về phân phối lợi nhuận năm 2018:

Stt	CHỈ TIÊU	KẾ HOẠCH	THỰC HIỆN	%
1	Lợi nhuận trước thuế	96.485.068.000	133.186.003.277	138,0
	<i>Trong đó:</i>	-		
	- LN sản xuất chính (Bia)	86.618.526.053	121.143.529.216	139,9
	- LN khác	6.333.651.391	6.554.849.807	103,5
	- LN tài chính	3.532.890.556	5.487.624.254	155,3
2	Thuế TNDN phải nộp	10.307.439.900	15.094.608.138	146,4
3	Lợi nhuận sau thuế	86.177.628.100	118.091.395.139	137,0
4	Thuế TNDN được miễn giảm, bổ sung quỹ đầu tư phát triển	-	-	-
5	Lợi nhuận còn lại để phân phối	86.177.628.100	118.091.395.139	137,0
	+ Trích lập các quỹ	13.985.010.895	18.398.244.343	131,6
	- Quỹ đầu tư phát triển	0%	0%	-
	- Quỹ khen thưởng phúc lợi cho NLD (3 tháng lương)	10.909.450.929	11.141.351.739	102,1
	- Quỹ khen thưởng người quản lý (1,5 tháng lương)	561.058.225	617.164.170	110,0
	- Quỹ quản lý, an sinh xã hội	2.514.501.741	2.514.501.741	100,0
	- Thưởng trên Lợi nhuận vượt kế hoạch (1 tháng lương)	20%	4.125.226.693	-
6	LN còn lại của năm dùng để phân phối cổ tức	72.192.617.205	99.693.150.796	138,1
7	LN của năm trước chưa phân phối	87.268.912.924	87.268.912.924	
8	Tổng LN còn lại phân phối	159.461.530.130	186.962.063.720	117,2
9	Số tiền chia cổ tức	58.000.000.000	58.000.000.000	100,0
10	Tỷ lệ cổ tức/vốn điều lệ	40%	40%	100,0
11	Lợi nhuận còn lại sau phân phối	101.461.530.130	128.962.063.720	127,81

❖ Đại hội biểu quyết nhất trí với tỷ lệ: 80,6597%

Điều 6. Thông qua Tờ trình về Kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2019

Stt	CHỈ TIÊU	THỰC HIỆN 2018	KẾ HOẠCH 2019	%
1	Lợi nhuận trước thuế	133.186.003.277	96.169.868.000	72,2
	<i>Trong đó:</i>			
	- LN sản xuất chính (Bia)	121.143.529.216	89.186.324.613	73,6
	- LN khác	6.554.849.807	8.424.387.098	128,5
	- LN tài chính	5.487.624.254	(1.440.843.712)	(26,3)
2	Thuế TNDN phải nộp	15.094.608.138	9.969.298.110	66,0
3	Lợi nhuận sau thuế	118.091.395.139	86.200.569.890	73,0
4	Thuế TNDN được miễn giảm, bổ sung quỹ đầu tư phát triển	-	-	
5	Lợi nhuận còn lại để phân phối	118.091.395.139	86.200.569.890	73,0
	+ Trích lập các quỹ	18.398.244.343	12.934.111.471	70,3
	- Quỹ đầu tư phát triển	0%	0%	-
	- Quỹ khen thưởng, phúc lợi cho NLD và người quản lý (03 tháng lương)	11.758.515.909	12.072.105.772	102,7
	- Quỹ an sinh xã hội	2.514.501.741	431.002.849	0,5%
	- Quỹ khen thưởng HĐQT, BKS		431.002.849	0,5%
	- Thương trên Lợi nhuận vượt kế hoạch	4.125.226.693		10%
6	LN còn lại của năm để phân phối cổ tức	99.693.150.796	73.266.458.419	73,5
7	LN của năm trước chưa phân phối	87.268.912.924	128.962.063.720	
8	Tổng LN còn lại phân phối	186.962.063.720	202.228.522.140	108,2
9	Số tiền chia cổ tức	58.000.000.000	58.000.000.000	100,0
10	Tỷ lệ cổ tức/vốn điều lệ	40%	40%	100,0
11	Lợi nhuận còn lại sau phân phối	128.962.063.720	144.228.522.140	111,8

❖ Đại hội biểu quyết nhất trí với tỷ lệ: 80,6597 %

Điều 7. Thông qua Tờ trình quyết toán thù lao Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát năm 2018 và Kế hoạch năm 2019, cụ thể:

Stt	NỘI DUNG	KẾ HOẠCH	THỰC HIỆN	GHI CHÚ
I	Thù lao năm 2018	1.256.770.424	1.382.447.460	

Stt	NỘI DUNG	KẾ HOẠCH	THỰC HIỆN	GHI CHÚ
II	Kế hoạch thù lao HĐQT, BKS năm 2019	1.301.552.481	-	20% lương KH bình quân của người quản lý Không bao gồm tiền lương của Trưởng BKS chuyên trách

Đối với Trưởng Ban kiểm soát chuyên trách: tiền lương bằng mức lương trưởng phòng Công ty (nguồn trong quỹ lương của Người quản lý, theo hướng dẫn của Thông tư 28/2016/TT-BLĐTBXH) và các chế độ theo kết quả SXKD của Công ty.

❖ Đại hội biểu quyết nhất trí với tỷ lệ: 99,9934%

Điều 8. Thông qua tờ trình kế hoạch đầu tư mua sắm và sửa chữa lớn năm 2019.

❖ Đại hội biểu quyết nhất trí với tỷ lệ: 99,9934%

Điều 9. Thông qua Ủy quyền cho Hội đồng quản trị Công ty lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán cho Công ty mẹ (Tổng Công ty CP Bia – Rượu – NGK Sài Gòn) để thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2019 của Công ty.

❖ Đại hội biểu quyết nhất trí với tỷ lệ: 99,9934%

Điều 10: Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Giám đốc Công ty ký kết các hợp đồng năm 2019 có giá trị bằng hoặc lớn hơn 20% tổng giá trị tài sản của Công ty, cụ thể:

- Hợp đồng hợp tác sản xuất với Tổng Công ty CP Bia – Rượu – NGK Sài Gòn và Công ty TNHH MTV Thương mại Bia Sài Gòn;
- Hợp đồng mua nguyên vật liệu với Tổng Công ty CP Bia – Rượu – NGK Sài Gòn
- Đại hội biểu quyết nhất trí với tỷ lệ: 99,9934%

Điều 11: Thông qua Tờ trình tăng vốn điều lệ tại Công ty TNHH MTV Bia Sài Gòn Sóc Trăng

❖ Đại hội biểu quyết nhất trí với tỷ lệ: 99,9934%

Điều 12: Thông qua kết quả bầu cử bổ sung thành viên HĐQT:

Danh sách từ nhiệm thành viên HĐQT/

- Bà Nguyễn Thị Hoàng Lan – Thành viên HĐQT
- Đại hội biểu quyết nhất trí với tỷ lệ: 99,9934%

Kết quả bầu cử bổ sung thành viên HĐQT:

- Bà Nguyễn Thị Kim Cúc; số phiếu trúng cử: 18, tương ứng với 9.287.500 cổ phần, chiếm 99,8178% cổ phần dự họp có quyền biểu quyết.

Điều 13: Điều khoản thi hành.

Nghị quyết này đã được 100% cổ đông tham dự thông qua và có hiệu lực kể từ ngày 29/3/2019.

Đại hội đồng cổ đông giao cho Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Điều hành Công ty có trách nhiệm căn cứ nội dung Nghị quyết triển khai thực hiện ./.

Nơi nhận:

- Công bố thông tin;
- Lưu HC.



Nguyễn Thành Nam